

Số:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng 4 năm 2021

V/v báo cáo phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 2).

Kính gửi: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3882/UBND-VP ngày 13/4/2021 về việc xây dựng lại báo cáo tình hình hoạt động phát triển các khu công nghiệp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu kính báo cáo UBND tỉnh về tình hình phát triển các khu công nghiệp hiện nay và dự kiến các vị trí phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần tích hợp đưa vào quy hoạch vùng tỉnh như sau:

I. Đánh giá về cơ chế chính sách quản lý, giám sát, điều kiện thu hút đầu tư

1. Các văn bản chỉ đạo, chính sách, chủ trương đang thực hiện về thu hút đầu tư:

Ban Quản lý các KCN đang tổ chức thực hiện, triển khai công tác thu hút đầu tư theo các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động, các chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh, gồm:

- Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 06/8/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, dự án đầu tư và danh mục các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, thu hút đầu tư có điều kiện và tạm dừng thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phát triển công nghiệp chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020; Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 13/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU;

- Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh ban hành danh mục sản phẩm ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chất

lượng cao và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020;

- Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025;

- Chương trình hành động số 25-Ctr/TU ngày 14/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Kế hoạch số 67A/KH-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động.

2. Tính hiệu quả của các cơ chế chính sách thu hút đầu tư:

Kể từ tháng 9/2014, sau khi Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 06/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được ban hành, tình hình thu hút đầu tư tại các KCN có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực phù hợp chủ trương, định hướng đã đề ra đó là tình thế hiện rõ định hướng thu hút có chọn lọc, không thu hút đầu tư ồ ạt, giảm và hạn chế một số dự án có thể có tác động tiêu cực đến môi trường, trong đó tập trung vào các tiêu chí đánh giá chất lượng của dự án. Theo đó, các dự án đầu tư phải đảm bảo được các tiêu chí về bảo đảm môi trường, sử dụng ít năng lượng. Quyết định số 2214/QĐ-UBND do UBND tỉnh ban hành ngày 16/8/2016 đã cụ thể bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, dự án trên địa bàn tỉnh.

Các chủ đầu tư đã nỗ lực rất lớn trong việc thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cơ bản đáp ứng được hạ tầng thiết yếu cho các nhà đầu tư thứ cấp hiện hữu và tạo hiệu ứng thu hút đầu tư cho các nhà đầu tư thứ cấp tiềm năng. Việc được tiếp cận công khai, minh bạch những chính sách, định hướng, chủ trương phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư của tỉnh thông tin đầy đủ về tiềm năng, lợi thế, hướng dẫn thủ tục đầu tư, các ưu đãi đầu tư,... đã giúp các nhà đầu tư nhanh chóng nắm bắt những thông tin đầy đủ về tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhanh chóng xác định và tiếp cận được các cơ hội đầu tư đáp ứng với nhu cầu cụ thể, thiết thực của mình cũng như của địa phương.

Việc tuân thủ thực hiện theo Chỉ thị số 43-CT/TU và Quyết định số 2214/QĐ-UBND, các chính sách phát triển công nghiệp đã giúp các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thu hút được các dự án có công nghệ mới, tiên tiến hiện đại gắn với quy hoạch và chủ trương chuyển dịch, tái cơ cấu kinh tế; thu hút được một số dự án nguồn trung tâm, tập đoàn kinh tế đa quốc gia có danh tiếng; giảm thiểu được những tác động xấu đến môi trường; số lượng dự án công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ hoạt động logistics gia tăng. Liên tục các năm 2017, 2018 và 2019, các KCN tỉnh thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài lẫn trong nước, cụ thể năm 2017 thu hút được 48 dự án đầu tư mới, tổng vốn thu hút đạt 1,223 tỷ USD; cá biệt năm 2018, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong ba địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư, riêng các KCN thu hút được 57 dự

án, tổng vốn thu hút đạt 2,271 tỷ USD; năm 2019 thu hút 58 dự án, tổng vốn thu hút đạt 1,2 tỷ USD.

3. Hạn chế, khó khăn:

Từ cuối năm 2019 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế thế giới, và đối với tỉnh mạnh về thu hút FDI như Bà Rịa – Vũng Tàu, địa phương chịu tác động rõ rệt từ sự kiện bất khả kháng trên. Năm 2020 kết quả thu hút đầu tư chỉ đạt 77% so với năm 2019, đạt 98% kế hoạch năm 2020. Tổng vốn thu hút đầu tư tại các KCN năm 2020 về cơ bản đáp ứng kế hoạch năm đã đề ra. Trong trường hợp không có dịch bệnh Covid-19, kết quả trên được mong đợi sẽ vượt xa hơn thực tế. Năm 2020 Ban Quản lý các KCN chủ yếu cấp phép cho các dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương, và những dự án mà nhà đầu tư đã ký kết hợp đồng nguyên tắc thuê đất với các công ty quản lý hạ tầng KCN từ năm 2019.

Làn sóng dịch bệnh Covid-19 tiếp tục tái bùng phát vào đầu năm 2021 kèm theo nhiều rủi ro, kịch bản khó lường có thể xảy đến cho nền kinh tế toàn cầu, do đó tổng vốn thu hút đầu tư tại các KCN trong quý I/2021 tiếp tục sụt giảm, chỉ đạt 50% so với cùng kỳ các năm trước. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế, trong đó có nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, do đó khi khu vực sản xuất bị ảnh hưởng, hoạt động đầu tư sẽ ngay lập tức bị tác động làm giảm đầu tư của toàn nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là đầu tư của khu vực FDI và khu vực ngoài nhà nước. Các nhà đầu tư mới dừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, nhất là đầu tư FDI, ảnh hưởng tới thu hút đầu tư trong thời gian tới.

Mặc dù các Chủ đầu tư hạ tầng KCN rất nỗ lực tiếp xúc, tìm kiếm nhà đầu tư tuy nhiên trong tình hình dịch bệnh xảy ra toàn cầu, việc tìm hiểu đầu tư tại khu công nghiệp thưa thớt do tình hình đi lại giữa các nước bị hạn chế; một số khách hàng khảo sát sơ bộ thông tin của KCN nhưng không thể đến trực tiếp để xem đất và thương thảo, xúc tiến các thủ tục tiếp theo để đầu tư dự án. Bên cạnh đó, tâm lý dè chừng của nhà đầu tư trong giai đoạn dịch bệnh nên một số khách hàng tạm dừng mọi hoạt động khảo sát đầu tư.

Một số doanh nghiệp hoạt động sản xuất cầm chừng, giảm quy mô sản xuất, đầu tư trong giai đoạn diễn ra dịch bệnh. Doanh nghiệp không thể triển khai theo đúng tiến độ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đều thực hiện giãn tiến độ thực hiện dự án.

Một số doanh nghiệp cần phải làm các thủ tục đầu tư hoặc tới giai đoạn ký kết hợp đồng chính thức nhưng không thể sang Việt Nam để có thể xúc tiến các thủ tục dẫn đến chậm tiến độ so với kế hoạch, không đảm bảo được tiến độ dòng tiền triển khai dự án. Các chủ đầu tư hạ tầng KCN gặp khó khăn trong việc thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước, không thu được tiền thuê đất, khiến doanh thu bị sụt giảm.

Từ những nhận định trên, tình hình thu hút đầu tư tại các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có dấu hiệu chững lại theo xu hướng chung hiện nay.

Tình hình thu hút đầu tư năm 2020 đến nay trong bối cảnh đại dịch Covid-19 sụt giảm, có thể phân tích từ một số nguyên nhân như sau:

- Theo Luật đầu tư 2020, các đầu tư dự án vào khu công nghiệp không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, dự án không thuộc danh mục cấm, hạn chế theo luật thì không có thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, thực hiện theo chủ trương sàng lọc dự án của tỉnh, trước khi cấp phép đầu tư vào các KCN, Nhà đầu tư không phân biệt đối tượng, kể cả các dự án đầu tư mới và mở rộng, phải thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư trình cấp thẩm quyền cho ý kiến trước tiên rồi mới thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành. Thời gian thực hiện thường kéo dài từ 01 – 06 tháng tùy theo từng tính chất dự án. Do đó, sau khi khảo sát, tìm hiểu đầu tư tại tỉnh, nhà đầu tư thường có tâm lý e ngại, không mặn mà, từ đó chuyển hướng sang đầu tư ở địa phương khác.

- Việc kén chọn, từ chối một số nhà đầu tư có dự án quy mô lớn nhưng thuộc ngành nghề hạn chế, dừng thu hút đầu tư vì có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo chủ trương chọn lọc của tỉnh cũng làm giảm khả năng cạnh tranh của các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giảm cơ hội đón đầu dòng vốn dịch chuyển từ các quốc gia phát triển.

- Công tác xúc tiến đầu tư còn thụ động, chưa chủ động tiếp cận được với các nhà đầu tư thực sự có tiềm năng, các nhà đầu tư trọng tâm có khả năng kéo chuỗi sản xuất cung ứng tập trung. Xúc tiến đầu tư tại chỗ chưa thực sự phát huy tác dụng, thúc đẩy doanh nghiệp hiện hữu lan tỏa mời gọi các nhà đầu tư mới thông qua việc giải quyết khó khăn vướng mắc, đáp ứng nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh kịp thời.

- Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ còn yếu, doanh nghiệp nội địa chưa đủ khả năng tham gia vào chuỗi sản xuất cung ứng của các doanh nghiệp FDI.

- Số lượng, chất lượng nguồn lao động địa phương không đủ cung ứng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp.

- Công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng còn chậm, gặp nhiều khó khăn.

II. Công tác cải cách hành chính, chỉ số cạnh tranh về đầu tư, thu hút đầu tư, môi trường đầu tư trong các khu công nghiệp

1. Công tác cải cách hành chính:

Để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư, Ban Quản lý các KCN xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ”, góp phần đẩy mạnh công cuộc CCHC tại các KCN, phục vụ tốt nhất cho các nhà đầu tư, giúp các nhà đầu tư thuận tiện, yên tâm hơn trong triển khai đầu tư xây dựng dự án tại các KCN, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc quản lý một đầu mối đã tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vướng mắc trong lĩnh vực thủ tục đầu tư, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép lao động, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng

hóa, giấy phép xây dựng... rút ngắn thời gian và giảm bớt chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp bằng cơ chế “một cửa”, bước đầu khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước yên tâm đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện chủ trương chung của UBND tỉnh, hàng năm Ban Quản lý đã đăng ký và thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho 30% thủ tục hành chính giải quyết của Ban, 100% thủ tục hành chính của Ban thực hiện trên môi trường mạng dịch vụ công 4. Để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện các TTHC và để kiểm tra CBCCC thực thi nhiệm vụ, tất cả các TTHC, các biểu mẫu liên quan, các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban đều được đăng tải trên Website cơ quan; các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân có thể tra cứu thông tin về TTHC như trình tự giải quyết, kết quả thực hiện... Ngoài việc đăng tải trên Website, các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban còn được niêm yết công khai bằng bản giấy tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tập trung của tỉnh, Website một cửa cấp tỉnh,....

2. Kết quả tổ chức thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số PCI trong KCN:

a). Chỉ số tiếp cận đất đai

Nhằm nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, cũng như công khai thông tin, thuận lợi cho các nhà đầu tư khi tìm hiểu đầu tư vào KCN; Ban Quản lý các KCN đã công bố công khai quy hoạch 1/2000 của các khu công nghiệp đang hoạt động và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với thực tế hoạt động của khu công nghiệp. Thông tin các chủ đầu tư hạ tầng, giá thuê đất điều được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Ban giúp các nhà đầu tư tìm thông tin và liên hệ thuận lợi. Giá thuê đất được cập nhật trên hệ thống web của Ban.

b) Chỉ số tính minh bạch:

- Duy trì hoạt động thường xuyên của Website, thường xuyên cập nhật các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách, chủ trương của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các KCN được đăng tải trên Website, niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung, đồng thời được thực hiện qua phần mềm 1 cửa của tỉnh.

c) Chỉ số chi phí thời gian:

Giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho doanh nghiệp, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành có liên quan. Trong việc giải quyết thủ tục hành chính, các hồ sơ đều giải quyết sớm và đúng hạn; tuân thủ nguyên tắc không để người dân, doanh nghiệp phải bổ sung hồ sơ nhiều hơn một lần; không gây phiền hà hoặc những nhiễu doanh nghiệp, không có doanh nghiệp phản ánh tiêu cực.

d) Chi phí không chính thức: doanh nghiệp không phải trả thêm các khoản chi phí về lĩnh vực đầu tư, CBCCC không gây những nhiễu.

e) Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: các dự án được thu hút đều có trong nước lẫn nước ngoài.

f) Chỉ số Tính năng động:

- Thường xuyên tiếp nhận và trả lời các ý kiến, câu hỏi và kiến nghị của nhà đầu tư và doanh nghiệp thông qua hình thức gửi văn bản, gọi điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử... Tham mưu giải quyết hoặc phối hợp với các ngành chức năng tỉnh và địa phương giải quyết theo thẩm quyền; hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ giải quyết các thắc mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Ban quản lý các KCN tích cực giải đáp nhanh chóng, đầy đủ các câu hỏi của doanh nghiệp, cá nhân về các lĩnh vực liên quan đến pháp luật về đầu tư; thường xuyên giải đáp và hướng dẫn về pháp luật đầu tư qua email, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tích cực tạo điều kiện, hỗ trợ để Japan Desk phát huy vai trò tổ chức hỗ trợ pháp lý, thủ tục cho các nhà đầu tư mới, đại diện cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản của tỉnh nói chung và trong các KCN nói riêng.

- Thường xuyên nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình sản xuất, kinh doanh và hội nhập của doanh nghiệp; rà soát, tham mưu ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của HĐND và UBND tỉnh, bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn tại địa phương.

g) Chỉ số thiết chế pháp lý:

Thực hiện các thủ tục đầu tư theo Bộ thủ tục hành chính đã được công bố tại các Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/4/2018, Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 và Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu, Công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục tên các thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

III. Đánh giá về hiện trạng quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

1. Về quy hoạch phát triển khu công nghiệp đến năm 2020:

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ văn bản số 1163/TTg-CN ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư và mở rộng các KCN tại tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 1977/TTg-KTN ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 426/TTg-CN Ngày 13/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020,

Hiện nay, trên toàn tỉnh có tổng cộng 16 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bổ sung vào Quy hoạch phát triển khu công nghiệp đến năm 2020 với quy mô diện tích 9.054,93 ha. Cụ thể như sau:

- 13 KCN đã và đang đầu tư hạ tầng: KCN Đông Xuyên 167,89 ha; KCN Phú Mỹ I 951,25 ha; KCN Phú Mỹ II 1.023,60 ha; KCN Phú Mỹ III 802,50 ha; KCN Mỹ Xuân A 302,40 ha; KCN Mỹ Xuân A2 422,22 ha; KCN Mỹ Xuân B1 - Conac & mở rộng 321,92 ha; KCN Mỹ Xuân B1 - Tiến Hùng 200,00 ha; KCN Mỹ Xuân B1 - Đại Dương 145,70 ha; KCN Cái Mép 670,09 ha; KCN Đất Đỏ 496,2 ha; KCN Châu Đức 1.556,14 ha; KCN Đá Bạc 295,00 ha.

- 02 KCN đang hoàn thiện thủ tục chủ đầu tư và đánh giá năng lực nhà đầu tư để triển khai: KCN Long Hương 400,00 ha; KCN Long Sơn 850,00 ha.

- 01 KCN đang hoàn thiện thủ tục trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng quyết định chủ trương đầu tư: KCN- đô thị – dịch vụ HD HD 450,00 ha.

2. Tình hình đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

Tổng giá trị đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp đến hết quý I/2021 là 17.359,8 tỷ đồng/(26.598,99 tỷ đồng), đạt tỷ lệ 65,26% so với vốn đầu tư đăng ký thành lập và điều chỉnh.

TT	Tên KCN	Tổng dự toán		Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ % so VĐT
		Diện tích (ha)	Vốn ĐT (tỷ đồng)		
1	Đông Xuyên	167,73	297,00	288,00	96,97%
2	Phú Mỹ I	951,25	1.889,76	1.760,03	93,14%
3	Mỹ Xuân A	302,40	342,70	395,78	115,49%
4	Mỹ Xuân A2	422,22	652,60	1.104,29	169,21%
5	MX B1-Conac	211,92	543,57	474,36	87,27%
	MX B1-Conac mr	110,00		-	-
6	Cái Mép	670,09	1.502,75	1.705,46	113,49%
7	Phú Mỹ II & mr			-	
	+Phú Mỹ II	620,60	1.600,50	1.174,24	73,37%
	+Phú Mỹ II mr	400,87	1.141,76	1.171,25	102,58%
8	MX B1-Tiến Hùng	200,00	390,32	321,16	82,28%
9	MX B1-Đại Dương	145,70	265,70	284,28	106,99%
10	Phú Mỹ III	802,52	6.029,66	4.305,80	71,41%
11	Long Sơn	850,00	3.309,00	44,59	1,35%
12	Châu Đức	1.556,14	4.890,00	2.818,40	57,64%
13	Đất Đỏ	496,22	789,57	908,49	115,06%

TT	Tên KCN	Tổng dự toán		Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ % so VĐT
		Diện tích (ha)	Vốn ĐT (tỷ đồng)		
14	Long Hương	400,00	1.599,10	16,20	1,01%
15	Đá Bạc	295,00	1.355,00	587,48	43,36%
Tổng cộng:		8.602,66	26.598,99	17.359,8	65,26%

3. Đánh giá:

Các khu công nghiệp được thành lập trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt và chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các vị trí quy hoạch khu công nghiệp thuận lợi cho việc thu hút đầu tư như gần hệ thống cảng nước sâu, hệ thống giao thông, nguồn năng lượng điện khí.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp như giao thông nội bộ, điện cấp nước, khí tương đối hoàn chỉnh đảm bảo nhu cầu thiết yếu để thu hút đầu tư.

Các dự án trong KCN đã được giao đất, cho thuê đất; đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê để xây dựng nhà máy đưa vào sử dụng khai thác có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho rất nhiều người lao động.

Các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản sử dụng đất đúng mục đích và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; hoàn thành nghĩa vụ tài chính nhà nước.

IV. Đánh giá tổng thể tình hình lấp đầy của các khu công nghiệp hiện hữu:

1. Tình hình lấp đầy các khu công nghiệp:

Tính đến ngày 15/3/2021, tổng số dự án đầu tư được cấp phép còn hiệu lực tại 15 KCN là 469 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 13,672 tỷ USD và 102.811 tỷ đồng. Bao gồm: Đầu tư trong nước: 222 dự án, vốn đầu tư 102.775 tỷ đồng và 1,504 tỷ USD; Đầu tư nước ngoài: 249 dự án, vốn đầu tư là 12,168 tỷ USD. Tổng diện tích đất thuê là 3.066 ha, đạt tỉ lệ lấp đầy là 52,34% trên tổng số 15 khu công nghiệp và 62,23% trên số khu công nghiệp đã hoàn thiện xây dựng hạ tầng (13 KCN).

Chi tiết thể hiện ở bảng sau:

STT	KHU CÔNG NGHIỆP	TỔNG SỐ DỰ ÁN			DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)				Tỷ lệ lấp đầy (%)
		Trong nước	Nước ngoài	Cộng	Diện tích	Đất CN	Đã thuê	Còn lại	
1	PHÚ MỸ I	56	26	82	959,38	695,00	753,57	-58,57	100,00
2	MỸ XUÂN A	22	20	42	302,4	228,06	230,09	-2,03	100,00

STT	KHU CÔNG NGHIỆP	TỔNG SỐ DỰ ÁN			DIỆN TÍCH ĐẤT (ha)				Tỷ lệ lấp đầy (%)
		Trong nước	Nước ngoài	Cộng	Diện tích	Đất CN	Đã thuê	Còn lại	
3	MỸ XUÂN A2	3	34	37	422,22	267,74	284,60	-16,86	100,00
4	MỸ XUÂN B1-CONAC	6	19	25	227,14	157,71	155,90	1,81	98,85
5	ĐÔNG XUYÊN	60	29	89	160,87	130,89	125,88	5,01	96,17
6	CÁI MÉP	14	7	21	670,00	449,00	288,24	160,76	64,19
7	PHÚ MỸ II (+ PMII MR)	13	12	25	1.023,60	627,32	386,04	241,28	61,54
8	ĐẠI DƯƠNG	4	1	5	145,70	92,40	8,31	84,09	8,99
9	TIỀN HÙNG	5	23	28	200,00	139,75	108,25	31,50	77,46
10	PHÚ MỸ 3	4	15	19	802,50	512,63	121,66	390,97	23,73
11	DẦU KHÍ -LONG SƠN		0	0	850,00	650,00	0,00	650,00	0,00
12	CHÂU ĐỨC	25	48	73	1.556,14	1.108,90	344,90	764,00	31,10
13	ĐẤT ĐỎ I	4	15	19	496,22	330,57	64,65	265,92	19,56
14	LONG HƯƠNG			0	400,00	280,06	0,00	280,06	0,00
15	ĐÁ BẠC	4		4	295,00	186,60	193,54	-6,94	100,00
TỔNG CỘNG		220	249	469	8.511,17	5.856,63	3.065,61	2.791,02	52,34

2. Kết quả đạt được:

Lũy kế đến cuối năm 2020, có 28 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào các KCN của tỉnh, trong đó: Nhật Bản là nhà đầu tư có số vốn đăng ký lớn nhất; Hàn Quốc đứng thứ hai; tiếp theo là Singapore, Đài Loan, Thái Lan, Pháp, British Virgin Island, Hà Lan,... Các KCN đã thu hút được một số nhà đầu tư trực thuộc hệ thống các tập đoàn lớn, đa quốc gia và các công ty có thương hiệu lớn như: Posco, CS Wind, Interflour, China Steel, Formosa, Vinakyoei, Lock & Lock, Nippon, Marubeni, Hyosung, Austal, CJ Cheiljedang, Sojitz, Nitori, Samsung, Heineken, GS, Tổng Công ty Sonadezi, Công ty TNHH Hải Linh, Tập đoàn Thép Pomina, Tổng Công ty Viglacera, Tập đoàn Hoa Sen, Tập đoàn SMC...

Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp có ngành nghề đa dạng, với qui mô và công nghệ khác nhau... gắn liền với phát triển hệ thống cảng, đa số theo đúng định hướng thu hút có chọn lọc của tỉnh, cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu về bảo vệ môi trường. Các KCN Bà Rịa - Vũng Tàu đã thu hút được nhiều dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại hình thành ngành công nghiệp sản xuất lớn như:

+ Sản xuất thép: Nhà máy thép Posco, với vốn đầu tư 1,128 tỷ USD; Nhà máy thép Posco Yamato Vina, với vốn đầu tư 704 triệu USD; Nhà máy thép China Steel, với vốn đầu tư 1,148 tỷ USD...

+ Sản xuất vật liệu xây dựng: Nhà máy sx gốm Bạch Mã, với vốn đầu tư 150 triệu USD; Nhà máy sản xuất kính NSG, với vốn đầu tư 418 triệu USD.

+ Sản xuất sản phẩm hóa dầu: Nhà máy sản xuất Polypropylen Hyosung 1,2 tỷ USD.

+ Sản xuất điện: Nhà máy BOT Phú Mỹ III, vốn đầu tư 450 triệu USD; Nhà máy điện BOT Phú Mỹ 2.2, vốn đầu tư 480 triệu USD.

+ Chế biến thực phẩm: Nhà máy bia Heineken công suất 1,1 triệu lít/năm, vốn đầu tư 381 triệu USD; Nhà máy xay lúa mì Interflour 117 triệu USD...

Các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ không ngừng gia tăng qua các năm, được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để tiến hành đầu tư, xây dựng, triển khai sản xuất, dần có sự kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp với nhau, giảm tình trạng phải nhập khẩu số lượng lớn các nguyên liệu, vật liệu, phụ kiện. Thông qua chính sách, chủ trương thu hút có chọn lọc kể từ tháng 9/2014 đến nay, các nhà đầu tư phần lớn sử dụng hoặc cam kết sử dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến, có niên độ sản xuất phù hợp, không quá 01 – 02 năm tại thời điểm đầu tư, hạn chế áp dụng các công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị cũ, từ đó cải thiện được năng suất, chất lượng sản phẩm đầu ra, tăng khả năng cạnh tranh.

V. Khả năng chuyển đổi cơ cấu, tăng hiệu suất đầu tư, hiệu quả sử dụng đất

Việc xây dựng định hướng ngành nghề thu hút vào khu công nghiệp tỉnh BR-VT được đặt trong bối cảnh phát triển mới, chịu nhiều yếu tố tác động của hội nhập, đặc biệt là các yếu tố liên kết vùng, khu vực dựa trên các tiềm năng và năng lực hiện có của tỉnh (vị trí địa lý, tài nguyên, lao động, vốn, năng lực hệ thống sản xuất, các ngành công nghiệp hiện có); các liên kết vùng (đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam), với công nghiệp cả nước, khu vực Đông Nam Á, khu vực Đông Á.

Với quan điểm và định hướng phát triển kể trên, dựa trên tăng trưởng của các ngành: cơ khí chế tạo, luyện kim, hoá chất, điện tử - tin học, năng lượng. Đây là các ngành công nghiệp nền tảng có xu hướng phát triển mạnh ở Việt Nam trong các năm tới, nhằm hướng đến phát triển công nghiệp theo chiều sâu, tạo ra giá trị gia tăng cao cho sản phẩm công nghiệp, hình thành nền công nghiệp hỗ trợ, giảm nhập siêu. Các ngành công nghiệp khác được phát triển theo hướng bền vững, phù hợp với tiềm năng, điều kiện đặc thù của lĩnh vực đó và phù hợp với định hướng của tỉnh.

Vì vậy, để tăng hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng nhu cầu phát triển chuyển đổi cơ cấu cần định hướng phát triển:

- Tích cực nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các khu công nghiệp, đảm bảo hiệu quả cao, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên đất đai.

- Phân bố các khu công nghiệp hợp lý, ngành nghề khuyến khích đầu tư phải phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội, tạo hạt nhân phát triển các tiểu vùng. Ưu tiên thu hút các dự án có đầu tư hàm lượng kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ mới, tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới và sử dụng ít lao động vào các khu công nghiệp.

- Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng đối ngoại để tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp, khai thác tốt nguồn lực ngoài tỉnh và thị trường ngoài tỉnh.

- Tăng cường phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường gây ra do phát triển công nghiệp tại các khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên, các khu du lịch trọng điểm, khu nuôi trồng thủy sản, các nguồn nước... nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các hoạt động công nghiệp, đặc biệt chú trọng vấn đề xử lý nước thải, khí thải, chất rắn công nghiệp và chất thải nguy hại; nâng cao năng lực quản lý ô nhiễm công nghiệp tương ứng với tốc độ phát triển công nghiệp của Tỉnh và thực hiện hiệu quả các chính sách, quy định của quốc gia và tỉnh về bảo vệ môi trường.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã phê duyệt Dự án “Phát triển Kinh tế dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh” (PBEG) của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Quyết định số 2511/QĐ-UBND, trong đó nội dung hành động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gồm 03 mục tiêu chính:

- Mục tiêu 1 là kiện toàn cơ cấu ngành (*tăng gấp hơn 3 lần GDP trừ ngành khai khoáng*), trong đó bao gồm 03 chiến lược: (1) Chiến lược tạo ra các ngành có giá trị cao (ô tô, chế biến thực phẩm, dược phẩm); (2) Chiến lược phát triển ngành vật liệu (hóa dầu, sắt thép, dệt sợi và trở thành trung tâm cung cấp nguyên vật liệu); (3) Chiến lược đa dạng hóa nguồn điện (SPP, năng lượng tái tạo).

- Mục tiêu 2 là Tỉnh tiên tiến về tăng trưởng xanh của vùng kinh tế phía Nam (lấy phát triển kinh tế thân thiện môi trường làm chủ đạo), trong đó bao gồm 03 chiến lược: (1) Chiến lược áp dụng công nghệ sạch; (2) Chiến lược kiện toàn Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (3) Chiến lược phổ biến KCN thân thiện với môi trường.

- Mục tiêu 3 là trở thành trung tâm logistics quốc tế (cửa ngõ mới của khu vực phía Nam), trong đó bao gồm 03 chiến lược: (1) Chiến lược mở rộng hạ tầng logistics (xây dựng mạng đường cao tốc, cầu, đường sắt); (2) Chiến lược tăng cường chức năng Cảng Cái Mép – Thị Vải; (3) Chiến lược xây dựng đặc khu kinh tế và trung tâm logistics Cái Mép Hạ.

Triển khai thực hiện dự án PBEG và trên cơ sở đề nghị của JICA về lập hồ sơ Dự án hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến triển khai Mục tiêu 2 của dự án PBEG (*Tỉnh tiên tiến về tăng trưởng xanh của vùng kinh tế phía Nam lấy phát triển kinh tế thân thiện với môi trường làm chủ đạo*), Ban Quản lý các KCN đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 phê duyệt Văn kiện dự án “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng KCN kiểu mẫu/KCN thông minh theo định hướng sinh thái và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành KCN tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”.

Như vậy, căn cứ mục tiêu của Dự án PBEG và Văn kiện Dự án KCN kiểu mẫu, định hướng, chiến lược phát triển, cơ cấu công nghiệp chủ đạo trong thời gian tới sẽ được xem xét tập trung vào (1) các ngành có giá trị cao (ô tô, chế biến thực phẩm, dược phẩm); (2) Chiến lược phát triển ngành vật liệu (hóa dầu,

sắt thép, dệt sợi và trở thành trung tâm cung cấp nguyên vật liệu); (3) Chiến lược đa dạng hóa nguồn điện (SPP, năng lượng tái tạo) gắn với phát triển logistics.

VI. Nhu cầu thực tế tại các địa phương:

Sau khi Ban QL các KCN dự thảo định hướng các vị trí phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã gửi các Sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã để góp ý. Cụ thể ý kiến các Sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 407/SKHĐT-TH ngày 23/2/2021:

Nội dung phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước đây thực hiện theo Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 thuộc danh mục quy hoạch sẽ được tích hợp. Theo đó việc phát triển các khu công nghiệp trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không còn là một quy hoạch độc lập, mà là một nội dung nghiên cứu của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Để xác định cụ thể trong thời kỳ quy hoạch, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát triển bao nhiêu KCN, ở địa điểm nào, diện tích sử dụng đất là bao nhiêu... cần phải tính toán, dự báo, giải quyết tổng thể nhiều vấn đề liên quan về: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động, chuyển dịch cơ cấu dân số, phát triển đô thị, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai...; đặt trong mối quan hệ phát triển chung, thống nhất hài hòa với các ngành và lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường... Cụ thể cần phải làm rõ các nội dung sau:

- Đánh giá thực trạng phát triển các khu công nghiệp về các nội dung:

Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển các khu công nghiệp (quy mô, diện tích, tỷ lệ lấp đầy, lao động và ngành nghề hoạt động trong khu, cụm...); thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động của các khu công nghiệp (hạ tầng giao thông, cấp nước, cấp điện, thông tin, viễn thông, xử lý nước thải, rác thải, chiếu sáng... các hạ tầng dịch vụ công, dịch vụ vận tải, tài chính, ngân hàng, logistics...); hạ tầng xã hội cho công nhân như khu đô thị, nhà ở, trường học, bệnh viện...; thực trạng quản lý, khai thác công trình hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá thực trạng phân bố và sử dụng không gian phát triển (bao gồm không gian phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội) của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng không gian (được thể hiện cụ thể trên bản đồ).

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng, cần phân tích làm rõ và dự báo có căn cứ khoa học về triển vọng phát triển các khu công nghiệp trong giai đoạn tới, cụ thể:

Yêu cầu phân tích, xác định nhu cầu phát triển các khu công nghiệp (đồng thời với phát triển các cụm công nghiệp); nhu cầu sử dụng không gian và phát triển kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch

Yêu cầu phân tích, đánh giá khả năng, mức độ đáp ứng của hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh thời gian qua; đánh giá tiềm năng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.

Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong phân bố không gian của hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện nay; xác định những vấn đề đặt ra đối với phân bố không gian của hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành...).

Làm rõ xu thế, khả năng và triển vọng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu, khả năng lấp đầy các khu công nghiệp hiện hữu...

- Đề xuất phương án phát triển, thành lập mới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, gắn với ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư

Luận chứng về nhu cầu quy mô diện tích, số lượng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và phương hướng bố trí không gian của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

Luận chứng phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (giao thông, cấp điện, thoát nước, cấp nước sạch, thu gom xử lý chất thải, nước thải) và hạ tầng xã hội gắn với KCN (nhà ở công nhân, các khu vực dịch vụ phục vụ công nghiệp...);

Luận chứng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp như hạ tầng giao thông (kết nối), hạ tầng cấp điện, cấp nước, thông tin viễn thông (bao gồm hạ tầng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp) ... và các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp như: cơ sở đào tạo nghề, vận tải và logistics

- Việc phát triển các khu công nghiệp cũng đòi hỏi phải đặt trong mối quan hệ tổng thể, cân đối, hài hòa về sử dụng các nguồn lực của tỉnh (đất đai, tài nguyên, môi trường, vốn đầu tư, lao động...) với các ngành kinh tế khác.

Do vậy việc phát triển các khu công nghiệp là một nội dung của Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có Báo cáo nội dung đề xuất phát triển ngành công nghiệp (bao gồm cả phát triển khu công nghiệp). Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/9/2020; UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch tổ chức lập quy hoạch; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã lập Đề cương chi tiết yêu cầu nghiên cứu nội dung phương án phát triển ngành công nghiệp (bao gồm cả phát

triển khu công nghiệp) và đã lấy ý kiến thống nhất của Ban Quản lý các KCN và Sở Công Thương để đưa vào hồ sơ yêu cầu nghiên cứu lập quy hoạch. Hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai các bước để tổ chức lập quy hoạch tỉnh theo tiến độ đề ra. Định hướng phát triển các khu công nghiệp do Ban Quản lý các KCN đề xuất cần phải được nghiên cứu đầy đủ về các vấn đề như đã nêu ở trên, mới có đủ cơ sở khoa học để thống nhất về số lượng, quy mô, địa điểm,... và đưa vào quy hoạch tỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Công thương tại văn bản số 376/SCT-QLCN ngày 03/3/2021:

Hiện nay tỉnh đang thực hiện tổ chức lập quy hoạch theo Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến 2050. Trong đó có phương án phát triển công nghiệp (bao gồm b trí không gian phát triển KCN, CCN). Vì vậy, phần định hướng phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh do đơn vị tư vấn thực hiện và được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ Điều 2 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về Quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế quy định “Khu Công nghiệp bao gồm: Khu chế xuất, Khu công nghiệp hỗ trợ, Khu công nghiệp sinh thái; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ”. Do đó, đề nghị Ban Quản lý các Khu công nghiệp làm rõ về loại hình Khu công nghiệp - đô thị.

Tại bảng tổng hợp các KCN dự kiến phát triển, đề nghị thống nhất tên gọi “KCN Phú Mỹ 3 mở rộng” và “KCN Phú Mỹ 3 giai đoạn II”, tại số thứ tự 7 đề nghị sửa thành “Khu đô thị - công nghiệp tại xã Bình Ba”.

3. UBND huyện Đất Đỏ tại văn bản số 1788/UBND-PKTHT ngày 02/3/2021:

Công ty CP Tín Nghĩa Phương Đông được UBND giao 496,2 ha đất tại xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ để thực hiện dự án KCN Đất Đỏ 1, trong đó đất sản xuất công nghiệp cho thuê là 361,3ha. Hiện tại, KCN Đất Đỏ thu hút 36 nhà đầu tư, trong đó 16 nhà đầu tư đang lập thủ tục xin đầu tư; 04 nhà đầu tư đã được cấp giấy CNĐT; 11 nhà đầu tư đang tiến hành thủ tục xây dựng, chiếm diện tích 113 ha; 05 nhà đầu tư đã đi vào hoạt động, chiếm diện tích 18,06 ha. Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp 131,03/361,3 (ha), chiếm tỷ lệ khoảng 36,28%.

Với những nội dung trên, việc định hướng phát triển khu công nghiệp Đất Đỏ II, giai đoạn năm 2021-2025, với diện tích khoảng 1.000 ha, giáp KCN Đất Đỏ I hiện hữu, theo kiến nghị của Ban QL các KCN tỉnh là chưa thật sự cần thiết trong giai đoạn này và sẽ xem xét kiến nghị UBND tỉnh và các Sở ban ngành của tỉnh bổ sung vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh trong trường hợp KCN Đất Đỏ I đạt tỷ lệ lấp đầy trên 80% tổng diện tích đất sản xuất công nghiệp.

4. UBND huyện Xuyên Mộc tại văn bản số 1788/UBND-PKTHT ngày 02/3/2021:

Về cơ bản, Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc thống nhất với nội dung phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh định hướng đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc là không khuyến khích phát triển các nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn, vì đây là những ngành nghề dễ gây ô nhiễm môi trường, mất an toàn lao động.

5. UBND huyện Châu Đức tại văn bản số 814/UBND-KTHT ngày 17/3/2021:

a) Đối với khu công nghiệp tại xã Cù Bị:

- Đề nghị đổi tên thành: Khu đô thị - công nghiệp công nghệ cao Cù Bị

- Vị trí: tại xã Cù Bị, huyện Châu Đức

- Quy mô diện tích: đề nghị tăng lên khoảng 3.000 ha

- Hiện trạng: toàn bộ là đất trồng cây cao su

- Nguồn gốc đất: đất do Công ty CP Cao su Bà Rịa quản lý, được UBND tỉnh cho thu đất để trồng cây cao su;

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Đối với khu Đô thị - công nghiệp tại xã Xà Bang

- Vị trí: tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức

- Quy mô diện tích: đề nghị giảm xuống khoảng 1.200 ha

- Hiện trạng: toàn bộ là đất trồng cây cao su

- Nguồn gốc đất: đất do Công ty CP Cao su Bà Rịa quản lý, được UBND tỉnh cho thu đất để trồng cây cao su;

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050.

c) Đối với khu Đô thị - công nghiệp tại xã Bình Ba

- Vị trí: tại xã Bình Ba, huyện Châu Đức

- Quy mô diện tích: đề nghị giảm xuống khoảng 800 ha

- Hiện trạng: toàn bộ là đất trồng cây cao su

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050.

d) Đối với quy hoạch mở rộng khu công nghiệp Đá Bạc:

Đề nghị Ban QL các KCN tỉnh xem xét các nội dung sau trước khi trình UBND tỉnh xem xét định hướng quy hoạch mở rộng Khu công nghiệp Đá Bạc cho các giai đoạn mở rộng như sau:

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phát triển công nghiệp chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 xác định: “*Hoàn thành hạ tầng và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp, trong đó tập trung cho Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 để phát triển công nghiệp chất lượng cao và khu công nghiệp Đá Bạc để phát triển công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ cho các khu công nghiệp khác để phát triển các loại hình công nghiệp chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ*”. Tại Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh, đánh giá “*Đối với KCN Đá Bạc (diện tích 295ha), đến thời điểm hiện tại*

đã thu hút được 04 dự án điện mặt trời với diện tích đất công nghiệp khoảng 186 ha, không theo đúng chủ trương của tỉnh là thu hút đầu tư để phát triển công nghiệp hỗ trợ”.

- Toàn bộ khu đất dự kiến mở rộng giai đoạn 2 và giai đoạn 3 khoảng 700 ha (không có đất công do Nhà nước quản lý, tương tự như định hướng quy hoạch 03 khu Đô thị - Công nghiệp tại các xã Cù Bị, Xà Bang, Bình Ba nói trên) là đất do dân đang sử dụng để ở, sinh sống ổn định từ trước tới nay (bao gồm nhà ở, đất ở, đất sản xuất; đặc biệt, 02 giai đoạn dự kiến mở rộng bao trùm lên toang bộ hệ thống kênh chính hồ sông Ray dẫn nước từ hồ sông Ray về hồ Đá Đen để điều tiết và cấp nước sinh hoạt cho tỉnh). Do vậy, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng mới khu tái định cư phục vụ cho dự án KCN Đá Bạc mở rộng sẽ gặp nhiều khó khăn khi giá đất trong giai đoạn này sẽ tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến việc ổn định đời sống nhân dân trong khu vực dự án.

Ngoài các nội dung trên, đề các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Đức dự kiến phát triển trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh về công nghiệp, đô thị; phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực triển khai và tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện; UBND huyện Châu Đức đề nghị đưa nội dung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Đức định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào Quy hoạch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/9/2020.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 1553/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/3/2021:

a). Về định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Đề nghị không quy hoạch Khu công nghiệp Đất Đỏ II (nội dung này Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tại báo cáo số 425/BC-ĐKT ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại văn bản số 1977/UBND-VP ngày 04 tháng 3 năm 2021).

- Đề nghị xác định lại nhu cầu cấp thiết phải mở rộng và quy hoạch mới các khu công nghiệp bởi các lý do sau:

+ Theo báo cáo số 425/BC-ĐKT ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Đoàn kiểm tra, diện tích khu công nghiệp đến thời điểm kiểm tra chỉ lấp đầy được 56,7%.

+ Các diện tích đất thực hiện khu công nghiệp đã có quyết định thu hồi đất đến nay vẫn chưa giải phóng xong việc bồi thường, giao đất, cho thuê đất (như Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Khu Công nghiệp Châu Đức, Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn);

mặt khác, có các khu công nghiệp đang còn xin điều chỉnh giảm diện tích do không thực hiện được công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; người dân liên tục kiến nghị điều chỉnh giảm diện tích đất khu công nghiệp để trả lại quyền sử dụng đất cho các hộ dân (như Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương).

+ Nếu phải thu hồi đất thực hiện khu công nghiệp sẽ giảm rất lớn diện tích đất canh tác của người dân, dẫn đến khiếu kiện, khiếu nại.

b) Về môi trường

Đề nghị Ban Quản lý các KCN Bà Rịa - Vũng Tàu làm rõ hiện trạng và các quy hoạch như khu dân cư, công trình công cộng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... xung quanh có khả năng chịu tác động khi triển khai khu công nghiệp và đặc biệt làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải dự kiến, làm rõ vị trí của dự án nhằm bảo đảm Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các dự án không thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư tại vùng thượng nguồn thuộc bản đồ khoanh vùng bảo vệ hồ chứa nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, cần chọn lọc thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

Chủ đầu tư dự án hạ tầng KCN có trách nhiệm thực hiện theo Thông báo số 1718-TB/TU ngày 18 tháng 4 năm 2019 kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; theo đó phải đầu tư mới hoặc nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương bảo đảm theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

Đối với việc tính toán hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN phải phù hợp với quy hoạch đầu nối và thoát nước của khu vực, bảo đảm hoạt động của dự án không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của khu vực. Quy hoạch thoát nước thải cần lưu ý phù hợp với quy hoạch chung của toàn tỉnh. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và nước thải của dự án phải bảo đảm tuân thủ theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; cần lưu ý vị trí đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung và vị trí xả thải dự kiến nhằm tránh xung đột đến các quy hoạch khác, đặc biệt là quy hoạch phát triển du lịch, tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

Về thủ tục môi trường, trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về tính chất, chức năng và loại hình,... của KCN theo quy định, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm căn cứ loại hình, quy mô,... thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho KCN theo quy định tại số thứ tự 5,... của Danh mục tại khoản 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, cần lưu ý các dự án thuộc thẩm

quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại mục 4, 8 (dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ từ 30 ha; dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN có diện tích từ 200 ha trở lên...) của Danh mục tại khoản 4 Mục I Phụ lục Nghị định này và quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP thì một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cần lưu ý Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, riêng khoản 3 điều 29 của Luật này có hiệu lực từ 01 tháng 02 năm 2021.

VII. Khả năng cung ứng, đáp ứng về cơ sở hạ tầng

1. Giao thông đường bộ

Mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bao gồm các đường: Cao tốc, quốc lộ do Trung ương quản lý; và các đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dụng ra vào cảng biển (ở thị xã Phú Mỹ) hoặc các công trình đặc thù (ở huyện Côn Đảo) và các đường phố chính trong hai thành phố Bà Rịa, Vũng Tàu và trong các thị trấn của từng huyện do Tỉnh quản lý. Tổng chiều dài đường các loại hiện có khoảng 788 km.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có tuyến đường cao tốc.

2. Giao thông đường sắt

Tuyến đường sắt Biên Hòa-Vũng Tàu là một nhánh của đường sắt quốc gia đã được xác định trong quy hoạch hệ thống giao thông của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với chức năng là phục vụ vận tải hàng hóa và hành khách giữa Vũng Tàu-Biên Hòa-Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là phục vụ vận chuyển hàng hóa cho cụm cảng biển Thị Vải-Cái Mép nhờ năng lực vận chuyển lớn. Đoạn tuyến trên địa phận tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu dài khoảng 44Km qua các huyện Tân Thành, ngoại vi thành phố Bà Rịa và ngoại vi thành phố Vũng Tàu. Lộ giới đất dành cho tuyến đường sắt được duy trì nghiêm ngặt, sẵn sàng cho việc xây dựng.

Tuy nhiên, do có vốn đầu tư rất lớn nên dự án vẫn chưa được triển khai.

3. Giao thông đường không

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hiện nay mới chỉ có một sân bay ở huyện Côn Đảo đang khai thác ổn định. Đây là sân bay dân sự cấp 3C và sân bay quân sự cấp II. Hệ thống hạ tầng của sân bay đã được cải tạo trong những năm gần đây: Đường cất-hạ cánh dài 1800m, nhà ga có diện tích khoảng 16.9 ngàn m² với năng lực phục vụ 300 hành khách/giờ. Trong năm năm gần đây do nhu cầu du lịch tăng nhanh nên số lượng chuyến trong ngày cũng tăng nhiều, nhưng do chiều dài đường cất hạ cánh bị hạn chế nên chỉ các máy bay loại nhỏ, hành trình ngắn lên-xuống. Về lâu dài, chức năng dân dụng của sân bay sẽ cần được nâng cấp đạt 4C.

Theo quy hoạch, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sẽ có một sân bay dân dụng cấp 3 trên diện tích khoảng 250-300 ha ở Gò Găng – ngoại vi thành phố Vũng Tàu – với đường cất-hạ cánh dài 3000m. Công suất 100.000 hành khách/năm và 500 tấn hàng hóa/năm; chủ yếu khai thác các loại máy bay trực thăng, máy bay cánh

bằng loại nhỏ phục vụ các tuyến bay ngắn với mục đích khai thác du lịch, dầu khí. Hiện nay mới chỉ thực hiện giữ đất chứ chưa có kế hoạch đầu tư xây dựng trong tương lai gần.

Sân bay cũ ở trong nội thành của thành phố Vũng Tàu hiện nay chỉ dùng cho máy bay trực thăng phục vụ chủ yếu cho hoạt động khai thác dầu-khí và đảm bảo an ninh-quốc phòng.

4. Về giao thông đường thủy nội địa

- Một vài đoạn tuyến sông còn bị hạn chế về tiêu chuẩn hình học – Chiều sâu môn nước, bán kính cong, tĩnh không thông thuyền dưới cầu – so với cấp kỹ thuật đã chọn.

- Số lượng 49 cảng-bến tàu hiện hữu được đưa vào danh mục quản lý khai thác theo Quyết định 1214/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là nhiều so với 30 cảng-bến tàu quy hoạch năm 2011 theo quyết định phê duyệt số 34/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2011. Số lượng cảng-bến hiện hữu cũng phân bố không theo mức độ cần thiết và không theo quy hoạch, ví dụ như ở thị xã Phú Mỹ – nơi rất cần nhiều cảng-bến hàng hóa (và đã được quy hoạch) nhưng hiện đang rất thiếu, trong khi đó ở huyện Long Điền, thành phố Vũng Tàu thì số lượng cảng-bến lại thừa và nhiều hơn quy hoạch. Vị trí của một số cảng-bến không phù hợp với điều kiện lòng chảy, chế độ chảy bán nhật triều.

- Phương tiện vận tải còn nhỏ-lạc hậu dẫn đến thời gian vận chuyển dài; thiết bị bốc dỡ thiếu-lạc hậu, chủ yếu bằng thủ công, khiến thời gian giải phóng tàu lâu; vì thế không hấp dẫn đối với những loại hàng tươi sống, hàng container.

- Ngành cơ khí đóng mới tàu thuyền chưa có, còn ngành cơ khí sửa chữa tàu thuyền có năng lực rất nhỏ bé, công nghệ lạc hậu, lực lượng phân tán.

- Có thể nêu một nhận xét là hệ thống cảng-bến tàu đường thủy nội địa hoạt động chuyên nghiệp chưa được hình thành.

5. Về giao thông đường biển

- Tiến trình đầu tư xây dựng các cảng, một cách cơ bản, đang theo sát kế hoạch tổng thể của Chính phủ và Bộ GTVT.

- Luồng đường biển Thị Vải-Cái Mép, qua thực tế khai thác thời kỳ 2015-2020, đã khẳng định sự lựa chọn đúng về chức năng của cụm cảng và đúng về kỹ thuật khai thác luồng.

- Đang có sự không đồng bộ giữa xây dựng cảng với xây dựng hệ thống giao thông đường bộ phục vụ cảng, làm hạn chế rất nhiều năng lực hiện có của cụm cảng và làm giảm tính hấp dẫn đầu tư, khai thác của cụm cảng.

Kiến nghị đến năm 2030 phải xây dựng và hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường không đảm bảo cho tình phát triển ổn định, bền vững lâu dài góp phần đưa tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trở thành một thành phố cảng biển lớn nhất ở Nam Bộ và là một trung tâm kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Cụ thể cần thực hiện các tuyến đường sau: Đường cao tốc đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu ở đoạn nằm trên địa phận tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Đường vành đai 4 khu vực thành phố Hồ Chí Minh để nhập vào đường 91B (theo tên gọi cũ) để giao nối với đường liên cảng ĐT995; Quốc lộ 51 (dài 33.8 km, từ giáp ranh tỉnh Đồng Nai đến nút giao Eo Ông Từ, qua thị xã Phú Mỹ, thành phố Bà Rịa và thành phố Vũng Tàu): điều chỉnh cục bộ đoạn đi qua thành phố Bà Rịa.

VIII. Nguồn nhân lực chất lượng cao đã qua đào tạo:

Đến nay, tổng số lao động trong các khu công nghiệp là 64.418 lao động ; trong đó

- Đại học trở lên	: 9.526 lao động	chiếm: 14,78%
- Cao đẳng, cao đẳng nghề	: 5.553 lao động	chiếm: 8,62%
- Trung cấp, trung cấp nghề	: 8.794 lao động	chiếm: 13,65%
- Sơ cấp nghề	: 3.964 lao động	chiếm: 6,15%
- Dạy nghề thường xuyên	: 4.934 lao động	chiếm: 7,66%
- Chưa qua đào tạo	: 31.647 lao động	chiếm: 49,14%

Chất lượng lao động tại các doanh nghiệp trong các KCN tuy đã được nâng lên nhưng vẫn chưa theo kịp nhu cầu của doanh nghiệp. Tổng số lao động đã qua đào tạo trong các KCN mới chỉ đạt 67,39% (tỷ lệ này năm 2016 là 52.5%). Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chỉ chiếm 20,46%, lao động bậc thợ chiếm khoảng 38%. Việc tuyển dụng lao động có trình độ sơ cấp đến trung cấp cho các dự án trong các KCN đã dễ dàng hơn với nguồn cung từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, lực lượng lao động này chủ yếu chỉ đáp ứng được các công việc đơn giản.

Nguồn cung lao động tay nghề kỹ thuật cao vẫn còn rất hạn chế đặc biệt ở một số ngành như hóa vô cơ, đóng tàu, thiết kế, logistics.... thực tế, do có sự chênh lệch về công nghệ tại doanh nghiệp và các kiến thức đã học ở trường nên các doanh nghiệp thường chỉ chú trọng đến kiến thức căn bản và tố chất cũng như ý thức làm việc của người lao động. Hầu hết các doanh nghiệp phải đào tạo lại cho người lao động để phù hợp với thực tế, công nghệ của doanh nghiệp cũng như đào tạo thêm kỹ năng làm việc, ý thức kỷ luật và ngoại ngữ cho người lao động.

Mặt khác, do thiếu hụt lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao nên doanh nghiệp phải tuyển dụng từ địa phương khác hoặc đặt hàng đào tạo từ các trường đại học... Điều này làm tăng chi phí sử dụng lao động của doanh nghiệp. Tình trạng chuyển dịch lao động giữa các doanh nghiệp KCN cũng rất phổ biến đặc biệt ở khu vực doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thuộc các lĩnh vực: thuộc da, sản xuất giày da, may mặc, sản xuất bao bì, chế biến thực phẩm...do lực lượng lao động chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; ý thức nghề nghiệp, kỷ luật còn yếu. Mặt khác, do thu nhập thấp nên người lao động thường có xu hướng tìm kiếm công việc có mức lương cao hơn dẫn đến tình trạng nhảy việc sang công ty khác sau khi được doanh nghiệp đào tạo dẫn đến tình trạng lực lượng lao động tại doanh nghiệp thường xuyên biến động.

Trong thời gian qua, các cơ sở dạy nghề của tỉnh đã rất nỗ lực trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy; cập nhật và hoàn thiện chương trình giảng dạy sát với thực tế của doanh nghiệp; đáp ứng một phần nhu cầu lao động cho các dự án lớn trong các KCN và được doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng lao động do nhà trường đào tạo, cung cấp.

→ Các khó khăn vướng mắc, giải pháp tháo gỡ:

Trong giai đoạn hiện nay hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN trên địa bàn tỉnh đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực phục vụ cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc đưa dự án mới đi vào hoạt động sau khi dịch bệnh Covid-19 năm 2020 được ngăn chặn, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực qua đào tạo đã tìm nhiều cách để tiếp cận nhưng nguồn cung khan hiếm, mặt khác tỷ lệ tuyển dụng thành công cũng rất thấp do người lao động còn thiếu kỹ năng, kinh nghiệm làm việc đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Do đó, đề xuất giải pháp:

- UBND tỉnh sớm hoàn thành việc xây dựng và ban hành chính sách thu hút lao động chất lượng cao qua đào tạo về làm việc tại địa phương.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội sớm hoàn thiện thông tin thị trường lao động tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm để kết nối cung cầu giữa người lao động và người sử dụng lao động. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng lao động tại địa phương.

- Các cơ quan, ban ngành, địa phương cần làm tốt công tác điều tra xã hội, thống kê cập nhật số lượng lao động trong độ tuổi lao động, người đang theo học tại các trường đại học và các cơ sở dạy nghề tại địa phương đồng thời cung cấp thông tin về các ngành nghề hoạt động, cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đến từng khu dân cư ở địa phương.

- Các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh cần tăng cường khảo sát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp nhằm có kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và cung cấp cho doanh nghiệp lực lượng lao động có chất lượng. Đồng thời, các doanh nghiệp tăng cường việc liên kết với các cơ sở đào tạo của tỉnh để tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận máy móc thiết bị, khoa học công nghệ hiện đại, tác phong làm việc chuyên nghiệp... tại các doanh nghiệp. Qua đó sinh viên có thể đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp ngay khi tốt nghiệp.

- Doanh nghiệp xây dựng, cải thiện chính sách tiền lương các khoản trợ cấp, phụ cấp, phân thu nhập tăng thêm linh hoạt; xây dựng các chính sách chăm lo cho đời sống vật chất tinh thần cho người lao động phù hợp; có chính sách về nhà ở, nhà giữ trẻ, các công trình phúc lợi phục vụ cho người lao động hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà, tổ chức xe đưa, đón người lao động, và các chế độ khác ... để thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

- Ban Quản lý các KCN sẽ thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa Doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp dự báo và cung cấp thông tin về lao động doanh nghiệp nhằm xác định nhu cầu về lao động, ngành nghề đào tạo, kiến thức, kỹ năng mà người sử dụng lao động đòi

hỏi. Qua đó, các cơ sở đào tạo sẽ điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, ngành nghề đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

IX. Định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới

1. Dự báo tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam:

Năm 2020, tình hình thế giới biến động khó lường, thương mại và đầu tư có xu hướng bất ổn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch phục hồi, nhưng Việt Nam giữ được tăng trưởng kinh tế tương đối cao, chính trị, an sinh xã hội ổn định, thu nhập và đời sống của nhân dân được cải thiện,..Tích lũy kể đến ngày 20/11/2020, nước ta đã có 32.915 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 382,9 tỷ USD, tổng vốn thực hiện 229,1 tỷ USD, bằng 59,8% tổng vốn đăng ký.

Theo Hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra làm cho vốn FDI quốc tế khó đạt 1.000 tỷ USD, tức là thấp hơn rất nhiều so với năm cao nhất đạt đến 1.800 tỷ USD. Do đó, nhiều công ty xuyên quốc gia (TNCs) đang tư duy lại chiến lược thương mại và đầu tư toàn cầu theo hướng đa dạng hóa nguồn cung để giảm thiểu rủi ro, thay vì dựa chủ yếu vào Trung Quốc; đẩy nhanh xu hướng dịch chuyển doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc về nước, như: chủ trương của Chính phủ Mỹ, Nhật Bản, một phần sang nước thứ 3, trong đó có Việt Nam được lựa chọn ưu tiên hàng đầu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, đã có nhiều TNCs đạt thỏa thuận với một số địa phương về việc di dời hàng chục doanh nghiệp FDI quy mô lớn vào Việt Nam.

Một báo cáo của FED San Francisco cho biết, hậu quả của đại dịch có ý nghĩa tích cực đối với Việt Nam và Đông Nam Á. Cụ thể, Việt Nam đứng đầu danh sách. Với 42,3% lựa chọn trong số 122 doanh nghiệp được điều tra.

Đại dịch Covid-19 có thể mang lại cơ hội để Việt Nam đón nhận thêm các dự án FDI mới, trong bối cảnh dư luận quốc tế đánh giá cao sự chủ động và hiệu quả của Việt Nam trong phòng chống dịch vừa qua.

Vì vậy, cần cách tiếp cận đột phá trong thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Riêng đối với các chính quyền địa phương, thực hiện cơ chế phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư, chính quyền tỉnh, thành phố và ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn dự án và nhà đầu tư.

Như vậy, dự báo trong thời gian tới nhu cầu thuê đất trong các dự án khu công nghiệp của các nhà đầu tư nước ngoài là rất lớn và cấp thiết. Việc xây dựng quy hoạch phát triển các KCN mới và mở rộng để tạo quỹ đất sẵn sàng cho thuê trong thời gian tới là rất quan trọng.

2. Tình hình dự kiến thu hút đầu tư trong thời gian tới (các nhà đầu tư đã quan tâm và tìm hiểu các khu công nghiệp để đầu tư trong thời gian tới):

Hiện các chủ đầu tư hạ tầng một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tiếp xúc làm việc với các nhà đầu tư tìm hiểu thuê lại đất để thực hiện dự án đầu tư và đã có ghi nhớ về thuê lại đất, đợi khi tình hình dịch Covid – 19 tạm ổn thì

tiến hành thủ tục đầu tư. Cụ thể như sau:

Tên KCN	Số lượng nhà đầu tư	Quốc gia	Diện tích (ha)
KCN Phú Mỹ 3	9 (đã giữ đất)	Nhật Bản, HQ, VN, Singapore, Ấn Độ	102,20
	28 (nhà đầu tư tiềm năng)	Nhật Bản, HQ, Anh, Mỹ, Đài Loan, VN	639,00
KCN Châu Đức	4	Việt Nam	119,10
KCN Đất Đỏ 1	11	VN, Hàn Quốc, TQ, Đài Loan, Ấn Độ, Bỉ	136,24
KCN B1- Đại Dương	1	Hàn Quốc	1,20
KCN Phú Mỹ 1	1	Việt Nam	7,00
KCN Cái Mép	2	Việt Nam	38,60
Tổng cộng			1.043,36

(Chi tiết danh sách các nhà đầu tư theo phụ lục đính kèm)

3. Định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Từ những lý do trên, việc xây dựng lộ trình để thực hiện các kế hoạch nhằm đón làn sóng dịch chuyển đầu tư vào tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là rất cần thiết, trong đó ưu tiên thu hút các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao. Để thực hiện được điều này, cần phải có định hướng phát triển các khu công nghiệp trong thời gian tới, vì vậy Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu xin đề xuất định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần tích hợp vào quy hoạch vùng tỉnh như sau:

3.1. Khu vực tại thị xã Phú Mỹ:

- Có lợi thế địa điểm: cảng nước sâu, ít bão
- Có nguồn khí tự nhiên (methane, ethane)
- Gần Tổ hợp hóa dầu, KCN dầu khí Long Sơn
- Là trung tâm sản xuất nhiệt điện từ khí và sẵn có hệ thống lưới điện 110

KV

- Là trung tâm luyện thép lớn của cả nước
- Có tài nguyên khoáng sản (mỏ đá, cát...)

→ *Ngành nghề kiến nghị thu hút đầu tư theo không gian cấp huyện:*

- Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí
- Công nghiệp hóa chất
- Công nghiệp sử dụng công nghệ cao, sản phẩm có giá trị gia tăng cao
- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng
- Công nghiệp nặng (lắp ráp, sản xuất ô tô, máy kéo,...)
- Dịch vụ logistics, các ngành công nghiệp hỗ trợ

→ Vị trí cụ thể như sau:

a). Khu công nghiệp Phú Mỹ (đất dự phòng để phát triển theo Đề án thành lập khu công nghiệp chuyên sâu tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Địa điểm: tại xã Tân Hòa, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giáp liền kề khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 qua tuyến đường 991B.

- Quy mô diện tích đất: khoảng 650 ha

- Về quy hoạch sử dụng đất: Khu đất dự kiến đề xuất cho mục tiêu phát triển khu công nghiệp và logistics được quy hoạch là đất công nghiệp (theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Phú Mỹ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1113/QĐ-TTg ngày 09/7/2013).

- Định hướng phát triển, tính chất ngành nghề: xây dựng các công trình cảng, kho tàng bến bãi dịch vụ logistics, sản xuất ô tô điện, pin chuyên dụng cho ô tô điện, các ngành công nghiệp hỗ trợ như cơ khí chế tạo, hóa chất công nghiệp công nghệ cao, sản xuất lắp ráp ô tô, điện tử, dệt may, sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế, công nghiệp nặng,...

- Đánh giá: hiện nay KCN Phú Mỹ 3 đã lấp đầy 23,73%, và tình hình nhà đầu tư đăng ký thuê đất là 102,2 ha như vậy nếu thu hút vào thì tỷ lệ lấp đầy sẽ là đạt 44% và nhà đầu tư tiềm năng trong thời gian tới là khá lớn (với diện tích khoảng 639 ha) lúc đó tỷ lệ sẽ vượt 60% và đặc thù của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 nằm trong hệ sinh thái công nghiệp cảng biển với những tiềm năng và lợi thế sẵn có nên phần lớn các nhà đầu tư là các tập đoàn có quy mô lớn, công nghệ máy móc hiện đại hướng đến mục tiêu phát triển bền vững lâu dài. Do đó để đáp ứng nhu cầu đó, thì cần thiết phải triển khai giai đoạn 2 của đề án KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, phát triển bền vững của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Thời gian thực hiện: dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2025

b). KCN Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ

- Vị trí: Đây là khu đất do nhà nước quản lý (thuộc trường bản của Trường Sĩ quan lục quân 2)

- Quy mô: diện tích khoảng 800 ha

- Hiện trạng: địa hình có nhiều ao hồ, dân cư thưa thớt.

- Định hướng phát triển, tính chất ngành nghề:

+ Dịch vụ Logistics;

+ Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy, hải sản; lương thực, thực phẩm;

+ Công nghiệp sản xuất phân bón, dược phẩm, dược liệu, hóa mỹ phẩm;

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng;

+ Công nghiệp sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, linh kiện và phụ kiện điện;

+ Công nghiệp cơ khí chế tạo máy móc;

- + Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng – hàng gia dụng;
- Đánh giá: hiện trạng đất nhiều sỏi đá khó phát triển nông nghiệp, gần với KCN Châu Đức nên việc phát triển thực hiện chuỗi cộng sinh công nghiệp rất thuận lợi.

- Thời gian thực hiện: dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2026-2030

3.2. Khu vực tại huyện Xuyên Mộc:

- Gần ngư trường khai thác hải sản lớn nhất cả nước

- Lực lượng lao động dồi dào, cần chuyển đổi nghề.

→ *Ngành nghề kiến nghị thu hút đầu tư theo không gian cấp huyện*

- Chế biến nguyên liệu thủy sản

- Đồ gỗ, may mặc

→ *Vị trí cụ thể như sau:*

*** Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Xuyên Mộc**

- Vị trí: thuộc các xã Hòa Hội, Hòa Hiệp và Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quy mô, diện tích dự kiến: khoảng 1.143,16 ha, trong đó:

- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp với quy mô khoảng 905,0 ha.

- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị dịch vụ và nhà ở với quy mô khoảng 238,16 ha.

- Định hướng phát triển, tính chất ngành nghề:

Là khu công nghiệp đa ngành, không gây ô nhiễm, sản xuất các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, dự án công nghệ cao, sử dụng ít lao động, ít tác động đến môi trường, gồm các nhóm ngành chính sau: nhóm các ngành về cơ khí; nhóm các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát; nhóm các ngành sản xuất vật liệu xây dựng; nhóm các ngành về dược phẩm, mỹ phẩm.

- Đánh giá: phát huy được hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuyên Mộc

- Thời gian thực hiện: dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2025

3.3. Khu vực tại huyện Đất Đỏ:

- Nằm trong vùng trung tâm dệt may;

- Là vùng nuôi thủy sản lớn, gần ngư trường khai thác hải sản lớn của cả nước;

- Có lực lượng lao động dồi dào.

→ *Ngành nghề kiến nghị thu hút đầu tư theo không gian cấp huyện*

- Công nghiệp dệt may;

- Công nghiệp chế biến thủy hải sản;

- Cơ khí phục vụ nông nghiệp và chế biến thủy hải sản;

- Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may.

→ *Vị trí cụ thể như sau:*

*** KCN Đất Đỏ II**

- Vị trí: xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quy mô dự án: khoảng 1.000 ha
- Hiện trạng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 07/6/2019, thì khu vực này được quy hoạch chủ yếu là đất nông nghiệp (đất trồng lúa, cây hàng năm và cây lâu năm), một phần diện tích đất ở, khai thác khoáng sản (đá xây dựng), còn lại là đất thủy lợi và đất giao thông. Khu đất có ít dân cư sống tập trung, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.
- Định hướng phát triển, tính chất ngành nghề: KCN Đất Đỏ II sẽ được xây dựng theo hướng tập trung thu hút các ngành công nghiệp hỗ trợ, các dự án có công nghệ kỹ thuật cao, sử dụng ít lao động, và đặc biệt là các ngành cơ khí chất lượng cao, sản xuất ô tô, linh kiện ô tô, linh kiện điện tử.... ít gây ô nhiễm môi trường.
- Đánh giá: hiện nay KCN Đất Đỏ I đã lấp đầy 19,56 %, và đã có một số nhà đầu tư đăng ký thuê đất với diện tích 136,2 ha do đó nếu thu hút vào sẽ nâng tỷ lệ lên 60,75% nên việc định hướng để phát triển KCN Đất Đỏ II là phù hợp với tình hình trong thời gian tới để phát triển kinh tế xã hội huyện Đất Đỏ.

- Thời gian thực hiện: dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2025

3.4. Khu vực tại huyện Châu Đức

- Nằm gần cảng biển quốc tế, và sân bay Long Thành trong tương lai;
 - Vùng trồng cây công nghiệp và trang trại chăn nuôi;
 - Có nguồn khoáng sản : Pôzolan;
 - Nguồn nước sẵn;
 - Có lực lượng lao động dồi dào, cần đào tạo;
 - Gần trung tâm công nghiệp của tỉnh.
- *Ngành nghề kiến nghị thu hút đầu tư theo không gian cấp huyện*
- Khai thác pôzolan;
 - Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí;
 - Chế biến nông sản;
 - Sản xuất giấy, may mặc;
 - Sản xuất thiết bị y tế, dược phẩm;
 - Công nghiệp điện, điện tử.

→ *Vị trí cụ thể như sau:*

a). KCN Cù Bị:

- Vị trí: xã Cù Bị , huyện Châu Đức

- Quy mô diện tích: khoảng 500 ha
- Hiện trạng: chủ yếu là đất trồng cao su
- Đánh giá: vị trí tiếp giáp Đồng Nai nằm trên tuyến đường Xuyên Á nối sân bay Long Thành nên sẽ thuận lợi để phát triển, đồng thời nhằm phát triển kinh tế xã hội khu vực này.
- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050.

b). KCN Đá Bạc giai đoạn 2, 3:

Ngày 07/10/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 1977/TTg-KTN về việc điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn đến 2020, trong đó bổ sung KCN Đá Bạc giai đoạn I với diện tích 300 ha.

Do đó, báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6420/BKHĐT-QLKKT ngày 19/9/2014 thì KCN Đá Bạc giai đoạn 2: 300 ha và giai đoạn 3: 400 ha.

- Đánh giá: Hiện nay, KCN Đá Bạc giai đoạn 1 đã thu hút 4 dự án năng lượng mặt trời và lấp đầy 100% ; việc phát triển các giai đoạn tiếp theo để thu hút công nghiệp hỗ trợ và các dự án điện mặt trời nguồn năng lượng sạch là rất cần thiết để phát triển bền vững.

- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2 (từ năm 2021 đến 2025), giai đoạn 3 (từ 2026-2030).

c). Khu đô thị - công nghiệp tại xã Bình Ba, huyện Châu Đức

- Vị trí: xã Bình Ba, huyện Châu Đức
- Quy mô diện tích: khoảng 800 ha
- Hiện trạng: toàn bộ là đất trồng cây cao su.
- Đánh giá: nhằm xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; phát triển hạ tầng xã hội nhằm phát triển kinh tế xã hội địa phương.
- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-203, tầm nhìn 2050.

d). Khu đô thị - công nghiệp tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức

- Vị trí: xã Xà bang, huyện Châu Đức
- Quy mô diện tích: khoảng 1.200 ha
- Hiện trạng: toàn bộ là đất trồng cây cao su.
- Đánh giá: tăng hiệu quả sử dụng đất, nhằm xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; phát triển hạ tầng xã hội nhằm phát triển kinh tế xã hội địa phương.
- Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030 tầm nhìn 2050.

☞ Bảng tổng hợp các KCN dự kiến phát triển trong giai đoạn từ năm 2021-2025 và 2026-2030, tầm nhìn 2050:

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Thời gian thực hiện
1	KCN Phú Mỹ	Xã Tân Hòa, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ	650	2021 - 2025
2	KCN Phước Hòa	Thị xã Phú Mỹ	800	2026 - 2030
3	KCN Xuyên Mộc	Huyện Xuyên Mộc	1.143,16	2021 - 2025
4	KCN Đất Đỏ 2	Huyện Đất Đỏ	1.000	2021 - 2025
5	KCN Cù Bị	Huyện Châu Đức	500	2026 – 2030, tầm nhìn 2050
6	KCN Đá Bạc giai đoạn 2	Huyện Châu Đức	300	2021 - 2025
	KCN Đá Bạc giai đoạn 3	Huyện Châu Đức	400	2026 - 2030
7	Khu đô thị - công nghiệp tại xã Bình Ba, huyện Châu Đức	Huyện Châu Đức	800	2026 – 2030, tầm nhìn 2050
8	Khu đô thị - công nghiệp tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức	Huyện Châu Đức	1.200	2026 – 2030, tầm nhìn 2050
Tổng cộng			5.793,16 ha	

Trên đây là đề xuất định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tổng hợp vào đề án quy hoạch vùng tỉnh. Ban QL các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu kính báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh Ủy (để báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, XD, CThg, TN&MT;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Ban (để biết);
- Lưu: VT, ĐT, QHXD.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Anh Triết